

Bản án số: 196/2017/HSST

Ngày: 20/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Đạt

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Xuân Thiện

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đào Lê Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phương - Kiểm sát viên .

Ngày 20/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 211/2017/TLST - HS ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Thị Mỹ L sinh năm 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Trú tại: Đường H, Phường 4, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Đoàn Văn T sinh năm 1935 và bà Trương Thị N (Đã chết); có chồng (Đã chết) và 02 con (Lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt)

2. Họ và tên: Trần Thị Mỹ L sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; trú tại: Đường Lê Văn T, Phường 9, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Đường Lê Văn L, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán bánh mì; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn G sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1930; có chồng (Đã ly hôn) và 04 con (Lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Đường H, Phường 4, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Đoàn Thị Mỹ L và Trần Thị Mỹ L bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 14 giờ ngày 22/6/2017, tại khu vực đường Tân Mỹ, phường Tân Phú, Quận 7, Công an Quận 7 phát hiện bị cáo L1 dùng dịch vụ tin nhắn điện thoại di động bán số đề cho người khác nhằm mục đích cá cược được thua bằng tiền. Công an thu giữ của bị cáo hai điện thoại di động có chứa thông tin phôi đề với số tiền người đánh bạc đã cá cược ngày 21/6/2017 là 18.674.000 đồng, ngày 22/6/2017 là 2.916.000 đồng.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn phát hiện bị cáo L đã dùng điện thoại di động mua số đề do bị cáo L1 bán nhằm mục đích cá cược được thua bằng tiền, cụ thể: Ngày 21/6/2017 bị cáo L nhắn tin cá cược với số tiền 6.912.000 đồng và đã thắng cược được 18.240.000 đồng; ngày 22/6/2017 bị cáo L tiếp tục cá cược số tiền 2.700.000 đồng nhưng chưa có kết quả xổ số thì bị phát hiện.

Bị cáo L1 khai nhận:

Cuối tháng 5/2017, bị cáo L1 bắt đầu ghi bán số đề dạo bằng cách sử dụng dịch vụ tin nhắn điện thoại di động nhằm mục đích cá cược được thua bằng tiền. Bị cáo L1 giao phôi đề cho người tên là Bé Ba (chưa rõ nhân thân lai lịch) để hưởng tỉ lệ hoa hồng. Bị cáo L1 đã ghi bán số đề cho bị cáo L và một số người khác tên Kỳ, Chom (không rõ nhân thân lai lịch). Bị cáo còn tự mình trực tiếp tham gia cá cược số đề với Bé Ba.

Tỷ lệ được thua quy định như sau: Người đánh bạc cá cược ô số có 02 chữ số thì 01 thắng được 75; cá cược ô số có 03 chữ số thì 01 thắng được 650; đá vòng 02 ô số thì 01 thắng được 550.

Ngày 21/6/2017 bị cáo L cá cược số tiền 6.912.000 đồng và đã thắng cược được 18.240.000 đồng. Ngày 22/6/2017 bị cáo L tiếp tục cá cược số tiền 2.700.000 đồng nhưng chưa có kết quả xổ số thì bị phát hiện. Ngoài bị cáo L ra, không có người nào khác thắng cược trong ngày 21/6/2017.

Trong quá trình ghi bán số đề, bị cáo L1 đã thu lợi được 12.000.000 đồng.

Bị cáo L khai nhận: Do cần tiền đóng học phí cho con nên bị cáo L có tham gia cá cược số đề như đúng lời khai của bị cáo L1 ở trên.

Bản cáo trạng số 191/CTr-VKS ngày 09/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Đoàn Thị Mỹ L và Trần Thị Mỹ L về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng theo Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo L1 từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm.

Xử phạt bị cáo L từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

Phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng đến 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Về xử lý vật chứng và thu lợi bất chính: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi đánh bạc trái phép phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 7, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Bị cáo L1 ghi bán số đề bằng tin nhắn điện thoại di động nhằm mục đích cá cược được thua bằng tiền. Bị cáo L1 giao phối đề cho Bé Ba (chưa rõ lai lịch) để hưởng tiền huê hồng.

Ngày 21/6/2017 bị cáo L1 ghi bán số đề được 18.674.000 đồng, trong đó có bị cáo L cá cược số tiền 6.912.000 đồng và đã thắng cược được 18.240.000 đồng. Ngoài bị cáo L thì không có người đánh bạc nào khác thắng cược.

Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc trong ngày 21/6/2017 của bị cáo L1 là 36.914.000 đồng và của bị cáo L là 25.152.000 đồng.

Ngày 22/6/2017 bị cáo L1 ghi bán số đề được 2.916.000 đồng, trong đó có bị cáo L mua số đề với số tiền 2.700.000 đồng nhưng chưa có kết quả xổ số thì bị phát hiện.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố là đúng pháp luật.

So sánh quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) với quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), thấy:

Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kì hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm”.

Tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Căn cứ Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội áp dụng định lượng cấu thành tội phạm (số tiền dùng để đánh bạc) của Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng mức hình phạt của Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có lợi hơn cho các bị cáo.

Vì vậy, các bị cáo đã cùng phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 truy tố là đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, tinh vi, nguy hiểm cho xã hội. Vì tham lam tư lợi, các bị cáo đã lợi dụng vào việc Nhà nước cho xổ số để đánh bạc. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Đồng thời, gây ảnh hưởng xấu về mặt gia đình. Để đấu tranh phòng và chống tệ nạn cờ bạc, giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ tài sản của công dân, xét cần phải xử lý nghiêm bằng biện pháp hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện đánh bạc với nhau hai ngày: Ngày 21/6/2017, số tiền đánh bạc của các bị cáo đều trên 5.000.000 đồng; ngày 22/6/2017 số tiền đánh bạc của các bị cáo chưa đến 5.000.000 đồng. Ngoài ra, theo lời khai của bị cáo L1 thì bị cáo đã ghi bán số đề từ cuối tháng 5/2017 và thu lợi được 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, do không có chứng cứ nào chứng minh số

tiền bị cáo L1 dùng để đánh bạc từng lần từ 5.000.000 đồng trở lên. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và nguyên tắc suy đoán vô tội cho bị cáo thì chưa đủ căn cứ để xác định các bị cáo phạm tội nhiều lần.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng – là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt phải chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đã đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đồng thời, còn buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Bị cáo L1 nộp lại số tiền là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, bị cáo L nộp lại số tiền 18.240.000 đồng.

Đối với Bé Ba và những người tham gia đánh bạc chưa rõ lai lịch thì Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Xử lý vật chứng vụ án:

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng cũ, imel 013790001580373 và 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu hồng cũ, imel 358567070113002 thu giữ của bị cáo L1; 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Grand Prime, màu trắng cũ, imel 355677016135874815 thu giữ của bị cáo L. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 32.850.000 đồng thu giữ của bị cáo L1, trong đó bao gồm:

+ 16.000.000 đồng là tiền của bà Lê Thị Ngọc H (là con của bị cáo L1) gửi cho bị cáo L1 giữ giùm. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Hiền.

+ 12.000.000 đồng thu lợi bất chính và 4.850.000 tiền dùng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Thị Mỹ L và Trần Thị Mỹ L phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Khoản 3 Điều 7

Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

- Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thị Mỹ L 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn Thị Mỹ L cho Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Đoàn Thị Mỹ L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị Mỹ L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trần Thị Mỹ L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự:

Phạt các bị cáo một số tiền để sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Bị cáo Đoàn Thị Mỹ L nộp phạt số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Trần Thị Mỹ L nộp phạt số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu iPhone, màu trắng cũ, imel 013790001580373; 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 6, màu hồng cũ, imel 358567070113002; 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Grand Prime, màu trắng cũ, imel 355677016135874815.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước Số tiền 16.850.000 (Mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Đoàn Thị Mỹ L (bao gồm: 12.000.000 đồng thu lợi bất chính và 4.850.000 tiền dùng để đánh bạc).

- Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ L nộp lại số tiền thu lợi bất chính 18.240.000 (Mười tám triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn) đồng để sung quỹ nhà nước.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 02 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7 và Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 17/8/2017).

4. Áp dụng Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Kể từ ngày cơ quan Thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án đối với số tiền các bị cáo phải nộp phạt, nộp lại để sung quỹ Nhà nước, nếu các bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

5. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Thị Mỹ L và Đoàn Thị Mỹ L phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/12/2017), các bị cáo Trần Thị Mỹ L và Đoàn Thị Mỹ L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Đã giải thích chế định án treo đối với các bị cáo Đoàn Thị Mỹ L, Trần Thị Mỹ L.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Quận 7;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu số án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

(Đã ký)

Đỗ Quốc Đạt